

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn – Cầu Giấy – Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyên	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc	
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Hà Sỹ Tuyên	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2011)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên	
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cán Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Số : /2012/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 08 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01-01-2011
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.734.984.399	157.129.131.719
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	71.877.870.285	98.425.101.580
111	1. Tiền		1.787.870.285	2.715.101.580
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.090.000.000	95.710.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.942.654.521	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11.942.654.521	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.821.935.902	28.835.367.925
131	1. Phải thu khách hàng		35.801.810.786	26.220.401.372
132	2. Trả trước cho người bán		357.277.030	556.164.892
135	3. Các khoản phải thu khác	5	5.360.724.763	3.652.359.064
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.697.876.677)	(1.593.557.403)
140	IV. Hàng tồn kho	6	25.842.539.581	28.977.385.347
141	1. Hàng tồn kho		27.291.112.165	29.969.989.637
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.448.572.584)	(992.604.290)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.249.984.110	891.276.867
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	591.476.934	524.694.144
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.194.684
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	126.209.633	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.532.297.543	360.388.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01-01-2011
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.591.340.961	23.598.689.204
220	II. Tài sản cố định		14.295.971.012	14.350.167.371
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.190.565.319	14.238.638.162
222	- Nguyên giá		18.350.056.526	17.786.344.628
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.159.491.207)	(3.547.706.466)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	105.405.693	111.529.209
228	- Nguyên giá		187.617.546	163.617.546
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.211.853)	(52.088.337)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	750.000.000	750.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.986.481.040	7.869.771.810
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.901.481.040	7.864.771.810
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	5.000.000
269	VI. Lợi thế thương mại	14	558.888.909	628.750.023
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.326.325.360	180.727.820.923

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01-01-2011 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		63.814.362.397	65.790.854.175
310	I. Nợ ngắn hạn		63.572.417.890	64.959.624.184
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	30.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		27.408.846.194	30.335.935.861
313	3. Người mua trả tiền trước		91.825.577	251.746.356
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.851.177.878	1.192.533.293
315	5. Phải trả người lao động		2.608.099.815	899.920.938
316	6. Chi phí phải trả	16	1.259.149.090	1.137.370.464
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	29.722.754.607	595.968.156
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		630.564.729	546.149.116
330	II. Nợ dài hạn		241.944.507	831.229.991
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	586.382.545
333	2. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		195.944.507	198.847.446
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		109.280.982.725	113.723.909.944
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	109.280.982.725	113.723.909.944
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(765.000.000)	(765.000.000)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		36.199.650	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(6.550.527.860)	(33.600.000)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.749.504.745	2.785.704.395
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		1.429.483.052	1.308.588.004
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.186.483.138	8.233.377.545
439	C . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.230.980.238	1.213.056.804
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.326.325.360	180.727.820.923

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01-01-2011
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		280.549.366	-

Vũ Thị Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Cán Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	108.565.235.596	105.710.546.605
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	300.738.422	1.232.967.958
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	21	108.264.497.174	104.477.578.647
11	4. Giá vốn hàng bán	22	85.470.460.930	81.967.867.958
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		22.794.036.244	22.509.710.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.181.297.089	9.015.475.052
22	7. Chi phí tài chính	24	1.420.801.289	987.063.361
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.361.061.733</i>	<i>905.012.213</i>
24	8. Chi phí bán hàng		13.827.884.719	10.221.121.593
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.143.252.436	6.581.717.977
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh		15.583.394.889	13.735.282.810
31	11. Thu nhập khác		330.388.610	528.706.771
32	12. Chi phí khác		105.974.224	77.146.440
40	13. Lợi nhuận khác		224.414.386	451.560.331
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.807.809.275	14.186.843.141
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.879.432.280	3.612.446.698
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.928.376.995	10.574.396.443
61	16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		89.923.434	174.497.525
62	16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		11.838.453.561	10.399.898.918
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.190	1.087

Vũ Thị Minh Nguyệt
 Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		102.204.787.058	102.908.130.763
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(91.014.502.438)	(84.220.045.219)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.935.219.671)	(6.625.682.241)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.361.061.733)	(905.012.213)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.882.991.574)	(4.138.908.056)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.833.809.676	3.793.959.989
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.214.896.331)	(5.544.181.272)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.370.075.013)	5.268.261.751
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(390.336.568)	(166.119.301)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.450.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.942.654.521)	(77.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	77.510.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(336.621.900)	(59.095.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		336.621.900	67.260.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.245.789.867	9.013.464.717

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>28.362.798.778</i>	<i>17.021.845.416</i>
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	51.097.420.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(6.516.927.860)	(33.600.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		546.103.000	47.627.158.390
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.546.103.000)	(20.945.158.390)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu ^(*)		(8.023.027.200)	(6.324.530.700)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(44.539.955.060)</i>	<i>71.421.289.300</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(26.547.231.295)</i>	<i>93.711.396.467</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>		<i>98.425.101.580</i>	<i>4.713.705.113</i>
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	3	<i>71.877.870.285</i>	<i>98.425.101.580</i>

^(*)Trong đó Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng trả cổ tức cho cổ đông thiểu số là 72.000.000 VND.

Vũ Thị Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Cán Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn – Cầu Giấy – Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là : 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	95 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập...
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ giáo dục	Căn hộ P.302, mảnh 2, khu nhà ở bán cho cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP...

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: Tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán **chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính**.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo. Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ năm 2004, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp (từ năm 2004 đến 2005) và giảm 50% thuế TNDN (từ năm 2006 đến 2011).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	220.123.857	261.273.850
Tiền gửi ngân hàng	1.567.746.428	2.453.827.730
Các khoản tương đương tiền	70.090.000.000	95.710.000.000
	71.877.870.285	98.425.101.580

Chi tiết các khoản tương đương tiền tại 31/12/2011 bao gồm:

	31/12/2011
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	68.090.000.000
- Tại Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Trần Duy Hưng	35.090.000.000
- Tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á -Chi nhánh Hà Đông	30.000.000.000
- Tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - Chi nhánh Đống Đa	3.000.000.000
Hợp đồng vay vốn dưới 3 tháng	2.000.000.000
- Cho công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay ^[1]	2.000.000.000
	70.090.000.000

^[1]Cho Công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay theo hợp đồng vay vốn số 03/2011/SGDHN ngày 13/11/2011 để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất cho vay là 17%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác ^[1]	11.942.654.521	-
	11.942.654.521	-

^[1] Đầu tư ngắn hạn khác tại 31/12/2011 bao gồm các khoản đầu tư sau:

- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01 – 2009/NXBGDVN – TH ngày 26/02/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2011 là 7.132.654.521 VND.
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tiền gửi số 383.007.350409.TG ngày 28/12/2011 với lãi suất cho vay là 14%/năm, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 310.000.000 VND.
- Cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay theo hợp đồng vay vốn số 02 – 2011/SGDHN ngày 21/07/2011 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 VND để mua máy in và một số máy phụ trong dây chuyền in, lãi suất cho vay tối đa không cao hơn lãi suất ngân hàng thương mại cổ phần cho vay tại từng thời điểm (lãi suất đã bao gồm cả thuế GTGT). Tại thời điểm 31/12/2011, công ty đã giải ngân cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay tổng số tiền là 4.500.000.000 VND theo 3 Phụ lục vay vốn với thời hạn cho vay tối đa 1 năm, lãi suất 18,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư	935.507.222	-
Phải thu khác	4.425.217.541	3.652.359.064
	5.360.724.763	3.652.359.064

Chi tiết các khoản phải thu khác tại 31/12/2011

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành SGK ^[2]	200.000.000	200.000.000
- Phải thu Viện Công nghệ Giáo dục ^[3]	1.400.000.000	1.400.000.000
- Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất	100.000.000	-
- Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	579.000.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	230.717.541	136.859.064
	4.425.217.541	3.652.359.064

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662m².
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

^[2] Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

^[3] Đây là khoản tiền góp vốn để triển khai hoạt động Viện Công nghệ Giáo dục theo tiến độ góp vốn đợt 1 và đợt 2 căn cứ theo Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Viện ngày 23/01/2010.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.444.397.885	1.140.299.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.984.849.411	2.325.210.347
Thành phẩm	15.494.973.908	16.185.908.045
Hàng hoá	6.607.418.241	9.405.431.607
Hàng gửi đi bán	759.472.720	913.139.932
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.448.572.584)	(992.604.290)
	25.842.539.581	28.977.385.347

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	591.476.934	524.694.144
	591.476.934	524.694.144

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	126.209.633	-
	126.209.633	-

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.050.600.700	284.018.820
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	44.369.219
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	481.696.843	32.000.000
	1.532.297.543	360.388.039

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	14.360.973.975	366.607.475	2.468.394.872	590.368.306	17.786.344.628
Số tăng trong năm	573.393.364	-	-	76.336.568	649.729.932
- Mua trong năm	-	-	-	76.336.568	76.336.568
- Đầu tư XDCB hoàn thành	573.393.364	-	-	-	573.393.364
Số giảm trong năm	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
Số dư cuối năm	14.934.367.339	366.607.475	2.468.394.872	580.686.840	18.350.056.526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	1.283.105.766	355.224.985	1.422.118.694	487.257.021	3.547.706.466
Số tăng trong năm	304.786.965	5.306.121	338.971.643	48.738.046	697.802.775
- Khấu hao trong năm	304.786.965	5.306.121	338.971.643	48.738.046	697.802.775
Số giảm trong năm	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
Số dư cuối năm	1.587.892.731	360.531.106	1.761.090.337	449.977.033	4.159.491.207
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	13.077.868.209	11.382.490	1.046.276.178	103.111.285	14.238.638.162
Tại ngày cuối năm	13.346.474.608	6.076.369	707.304.535	130.709.807	14.190.565.319

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 351.977.476

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, Bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.000.000	143.617.546	163.617.546
Số tăng trong năm	-	24.000.000	24.000.000
- <i>Mua trong năm</i>	-	24.000.000	24.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	167.617.546	187.617.546
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.883.333	40.205.004	52.088.337
Khấu hao trong năm	2.000.000	28.123.516	30.123.516
- <i>Khấu hao trong năm</i>	2.000.000	28.123.516	30.123.516
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	13.883.333	68.328.520	82.211.853
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.116.667	103.412.542	111.529.209
Tại ngày cuối năm	6.116.667	99.289.026	105.405.693

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	750.000.000
- <i>Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội</i>	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	750.000.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí bóc xếp phân bổ cho hàng tồn kho	11.237.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.227.274	28.775.200
Chi phí bản thảo	6.883.016.766	7.835.996.610
	6.901.481.040	7.864.771.810

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	628.750.023	-
Số tăng trong năm	-	698.611.137
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(69.861.114)	(69.861.114)
	558.888.909	628.750.023

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.694.404	8.426.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.700.166.394	1.124.725.688
Thuế thu nhập cá nhân	124.317.080	59.380.890
	1.851.177.878	1.192.533.293

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán 2011	25.000.000	-
Chi phí dịch vụ thương mại phải trả	339.849.976	320.290.072
Chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới	779.122.400	470.143.671
Chi phí bản thảo và phí phát hành	115.176.714	346.936.721
	1.259.149.090	1.137.370.464

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	42.948.261
Kinh phí công đoàn	155.912.516	76.742.013
Bảo hiểm xã hội	49.688.920	42.613.166
Bảo hiểm y tế	141.549	-
Bảo hiểm thất nghiệp	893.629	3.216.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.516.117.993	430.448.628
	29.722.754.607	595.968.156

Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại 31/12/2011 như sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Phải trả ông Như Văn Quang ^[1]	28.950.000.000	-
- Viện Công nghệ Giáo dục	300.500.000	300.500.000
- Bưu điện Hà Nội	2.800.000	-
- Phải trả ông Hồ Ngọc Đại	92.900.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	169.917.993	129.948.628
	29.516.117.993	430.448.628

^[1] Ông Như Văn Quang chuyển tiền mua nhà theo hợp đồng mua bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty sẽ chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang với giá bán là 28.950.000.000 VND. Hoạt động bàn giao nhà đang được 2 bên thực hiện trong năm 2012.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	51.097.420.000	-	-	-	2.778.425.126	823.252.473	6.085.070.447	60.784.168.046
Tăng vốn trong năm trước	51.097.420.000	(765.000.000)	-	-	-	-	-	50.332.420.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.399.898.918	10.399.898.918
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(46.619.953)	(6.085.070.447)	(6.131.690.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.279.269	531.955.484	-	539.234.753
Tiền thuế TNDN quý 4 năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	32.099.681	32.099.681
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(33.600.000)	-	-	-	(33.600.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.129.081.887)	(2.129.081.887)
Thuế truy các năm theo biên bản thanh tra	-	-	-	-	-	-	(69.539.167)	(69.539.167)
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	(765.000.000)	-	(33.600.000)	2.785.704.395	1.308.588.004	8.233.377.545	113.723.909.944
Tăng do bổ sung vốn kinh doanh ^(*)	-	-	36.199.650	-	(36.199.650)	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6.516.927.860)	-	-	-	(6.516.927.860)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	120.895.048	(120.895.048)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	11.838.453.561	11.838.453.561
Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.951.027.200)	(7.951.027.200)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(604.475.240)	(604.475.240)
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.208.950.480)	(1.208.950.480)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	(765.000.000)	36.199.650	(6.550.527.860)	2.749.504.745	1.429.483.052	10.186.483.138	109.280.982.725

^(*) Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng bổ sung vốn kinh doanh từ Quỹ đầu tư phát triển.

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ trên Báo cáo tài chính năm 2011 theo Nghị quyết số 53/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 06/04/2011, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Trả cổ tức	8%/ Cổ phần	7.951.027.200
Quỹ dự phòng tài chính	1,00%	120.895.048
Quỹ phúc lợi	6,00%	725.370.288
Quỹ khen thưởng TGD	1,00%	120.895.048
Quỹ khen thưởng cho CBCNV	3,00%	362.685.144
Quỹ khen thưởng BDH	5,00%	604.475.240
Tổng cộng		9.885.347.968

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND		VND	%
Vốn góp của nhà nước	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	96.266.840.000	94,20%
Cộng	102.194.840.000	100%	102.194.840.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	51.097.420.000
Vốn góp tăng trong năm	-	51.097.420.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.951.027.200	6.131.690.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.951.027.200	6.131.690.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	990.400	3.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>990.400</i>	<i>3.500</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.229.084	10.215.984
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.229.084</i>	<i>10.215.984</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	108.506.754.132	105.666.910.241
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.636.364	43.636.364
Doanh thu bán hàng nội bộ	14.845.100	-
	108.565.235.596	105.710.546.605

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	6.016.564
Hàng bán bị trả lại	300.738.422	1.226.951.394
	300.738.422	1.232.967.958

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	108.206.015.710	104.433.942.283
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.636.364	43.636.364
Doanh thu bán hàng nội bộ	14.845.100	-
	108.264.497.174	104.477.578.647

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	85.463.243.574	81.967.867.958
Giá vốn bán hàng nội bộ	7.217.356	-
	85.470.460.930	81.967.867.958

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.027.725.818	4.823.127.394
Lãi đầu tư cổ phiếu	28.037.319	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.500.000	164.774.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	7.058.033.952	4.025.200.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.373.658
	15.181.297.089	9.015.475.052

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.361.061.733	905.012.213
Chi phí ủy thác đầu tư	59.695.556	67.832.000
Chi phí tài chính khác	44.000	14.219.148
	1.420.801.289	987.063.361

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.879.432.280	3.612.446.698
	3.879.432.280	3.612.446.698

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.838.453.561	10.399.898.918
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.838.453.561	10.399.898.918
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.944.606	9.570.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.190	1.087

27. THÔNG TIN KHÁC

Ông Như Văn Quang chuyển tiền mua nhà theo hợp đồng mua bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty sẽ chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103, 203, 303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội – Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang với giá bán là 28.950.000.000 VND. Hoạt động bàn giao nhà đang được 2 bên thực hiện trong năm 2012.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Vũ Thị Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Cán Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012